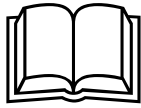


## TRAO ĐỔI



## Ý KIẾN

# VỀ VIỆC XÂY DỰNG BẢN ĐỒ PHÂN BỐ CÁC DÂN TỘC THEO NGÔN NGỮ Ở ĐÔNG NAM Á CỦA BẢO TÀNG DÂN TỘC HỌC VIỆT NAM

LÊ DUY ĐẠI

*L.T.S. Phân loại và xác định việc phân bố ngôn ngữ các tộc người là vấn đề khó khăn, phức tạp và thường có nhiều ý kiến khác nhau. Những ý kiến đó không chỉ dựa trên cơ sở của nhận thức, mà còn được bổ sung hoặc đổi thay dưới ánh sáng của nguồn tài liệu mới. Trong số này, Tạp chí Dân tộc học trân trọng giới thiệu việc xây dựng bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Đông Nam Á của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, và hy vọng nhận được ý kiến thảo luận của bạn đọc.*

### I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

C- dân Đông Nam Á trước đây cũng như hiện nay vừa có mối quan hệ cội nguồn vừa có quan hệ tiếp xúc lâu dài trong lịch sử. Ngôn ngữ là một biểu hiện của văn hoá tộc người và là một trong những đặc trưng quan trọng nhất để phân biệt dân tộc này và dân tộc khác. Một ngôn ngữ cụ thể bao giờ cũng gắn với một tộc người nhất định và dân tộc học thông qua nghiên cứu ngôn ngữ là nhằm tìm ra những đặc điểm văn hoá và lịch sử dân tộc. Vì thế, trong khoa học dân tộc học, cách phân loại các dân tộc theo ngôn ngữ được sử dụng khá phổ biến và việc xây dựng bản đồ phân bố các dân tộc ở Đông Nam Á theo ngôn ngữ nhằm thể hiện rõ hết mối quan hệ về ngôn ngữ, và sau đó là về văn hoá của các dân tộc Việt Nam với các dân tộc trong khu vực Đông Nam Á.

Tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, bản đồ phân bố các dân tộc ở Đông Nam Á sau

khí xây dựng xong sẽ được đặt bên cạnh bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Việt Nam, vừa giúp cho người xem tiện so sánh và thấy rõ mối liên hệ giữa các dân tộc ở Việt Nam với các dân tộc trong khu vực, vừa tận dụng mảng tường hiện nay đang bỏ trống tạo nên sự cân đối, hài hoà trong Phòng Giới thiệu chung ở khu vực trưng bày thường xuyên trong nhà của Bảo tàng. Bản đồ phân bố các dân tộc ở Đông Nam Á theo ngôn ngữ còn ý nghĩa hơn khi Nhà nước cho phép xây dựng khu trưng bày các dân tộc Đông Nam Á tại Bảo tàng này.

### II. PHẠM VI KHU VỰC

Từ xa xưa, Đông Nam Á đã là một thực thể, hơn nữa là một chỉnh thể văn hoá, từng có những đóng góp to lớn vào nền văn minh nhân loại với nền văn minh nông nghiệp lúa nước nổi tiếng. Nhưng cái tên Đông Nam Á (Southeast Asia) chỉ mới được xuất hiện

trong Đại chiến Thế giới thứ hai (thay tên Indochine cũ).

D- ối góc độ văn hoá - tộc ng- ời, nhiều nhà khoa học, nhất là các nhà khoa học Pháp, khi xác định khu vực Đông Nam Á, muốn gộp cả Madagasca vào vì có những quan hệ lịch sử rõ rệt với Indônêxia. Ngày nay, dựa trên những biểu hiện giống nhau về nhân chủng, phong tục tập quán, ngôn ngữ..., các nhà nhân loại học, dân tộc học, khảo cổ học, folklore học và các nhà nghiên cứu văn hoá nói chung th- ờng không quan niệm Đông Nam Á theo những ranh giới của một số quốc gia hiện tại mà là cả dải đất kéo dài từ Đài Loan qua Nam Trung Quốc, Đông D- ơng, vùng Hải Đảo; cả Đông – Bắc và Nam Ấn Độ... Ngoài ra, ng- ời ta còn thấy yếu tố văn hoá Nam Á ở tận Nhật Bản và mối quan hệ giữa Đông Nam Á với Châu Đại D- ơng<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, Bản đồ phân bố các dân tộc ở Đông Nam Á theo ngôn ngữ mà Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đang xây dựng chỉ tập trung giới thiệu sự phân bố của các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ có quan hệ trực tiếp với các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ của các dân tộc ở Việt Nam. Vì thế, phạm vi bản đồ này giới thiệu sự phân bố các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ của các dân tộc từ Nam Trung Quốc, qua Myanmar kéo dài xuống tận vùng Đông Nam Á hải đảo, trải từ vĩ độ 28° vĩ độ Bắc đến vĩ độ 11° vĩ độ Nam và từ kinh độ 92° đến kinh độ 142° kinh độ Đông,

bao gồm lãnh thổ của Nam Trung Quốc và các n- ớc ASEAN (Myanmar, Thái Lan, Lào, Việt Nam, Campuchia, Malayxia, Singapore, Philippin, Brunây và Indonexia). Bản đồ phân bố các dân tộc ở Đông Nam Á theo ngôn ngữ có tỷ lệ 1/2.500.000 và có kích th- ớc là 180cm x 210cm (bằng kích th- ớc của bản đồ phân bố các dân tộc ở Việt Nam theo ngôn ngữ treo ở bên cạnh).

### III. NỘI DUNG BẢN ĐỒ

Là bản đồ phân bố các dân tộc Đông Nam Á theo ngôn ngữ, nên sự phân bố các ngôn ngữ mà cụ thể ở đây là các ngữ hệ và các nhóm ngôn ngữ của các dân tộc trong khu vực này là nội dung thể hiện chính.

Tất cả các quốc gia ở Đông Nam Á đều là quốc gia đa dân tộc. Do c- dân ở đây có mối quan hệ cội nguồn và tiếp xúc lâu dài trong lịch sử, nên Đông Nam Á là một khu vực có bức tranh về thành phần tộc ng- ời và ngôn ngữ hết sức đa dạng và phức tạp. Ở đây, nh- G.Condominas đã viết, các nhóm tộc ng- ời chen chúc dày đặc, nên trông bản đồ dân tộc – ngôn ngữ của Đông Nam Á giống nh- một bức khảm hay một bức tranh về mảng<sup>2</sup>. Vì vậy, việc phân loại các dân tộc ở Đông Nam Á theo ngôn ngữ không mấy dễ dàng và th- ờng xuyên điều chỉnh khi có những phát hiện khoa học mới. Chẳng hạn, vào thập niên đầu thế kỷ XX, nhiều nhà khoa học, trong đó điển hình là nhà Ph- ơng Đông học ng- ời Pháp là H.Maspéro cho rằng, ngữ hệ Hán – Tạng bao gồm những

<sup>1</sup> Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên). *Các dân tộc ở Đông Nam Á*. NXB Văn hoá dân tộc, H.1997, tr.7.

<sup>2</sup> Georges Condominas. *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*. NXB Văn hoá, H.1997, tr. 146.

ngôn ngữ Hán, Tạng, Miến, Mèo (Hmông), Dao, Thái và trong nhóm Thái có các ngôn ngữ Việt – M- òng. Đến năm 1942, chính Paul K.Benedict đã có công tách ngôn ngữ Thái ra khỏi ngữ hệ Hán – Tạng để ghép với các ngôn ngữ Nam Đảo qua cầu nối là nhóm Ka Đai cổ nằm sâu trong lục địa Đông D- òng để hình thành ngữ hệ Nam Thái. Riêng tiếng Việt, năm 1905 W.Schmidt cho là thuộc ngữ hệ Môn – Khơ me; năm 1926 H.Maspéro vẫn xếp vào nhóm ngôn ngữ Thái; còn A.G. Haudricourt lại cho rằng tiếng Việt thuộc ngữ hệ Nam Á bên cạnh nhóm Mèo (Hmông) – Dao. Về các ngữ hệ ở khu vực Đông Nam Á trong những năm gần đây, năm 1993, Sames A. Matisoff đã quy tụ các ngôn ngữ ở đây và cả khu vực Đông Nam Á về 3 cội nguồn chung với 3 ngữ hệ: Hán – Tạng, Nam Thái và Nam Á, nh- ng khi sử dụng cách phân loại của A.G Haudricourt và của nhóm ASEMI, chỉ riêng vùng Đông Nam Á lục địa, Nguyễn Từ Chi và Nguyễn Duy Thiệu cho rằng có 5 ngữ hệ, đó là: Nam Á (Môn – Khơ me), Nam Đảo, Ka Đai, Mông (Hmông) – Dao và Hán – Tạng<sup>3</sup>. Tuy vậy, dẫu vẫn còn những cuộc tranh luận và những ý kiến khác nhau, nh- ng hiện nay hầu nh- mọi ng- òi đều thừa nhận Đông Nam Á tồn tại 5 ngữ hệ lớn: ngữ hệ Nam Á; ngữ hệ Thái - Kadai; ngữ hệ Nam Đảo (Malayô-Polinêdia); ngữ hệ Hán – Tạng và ngữ hệ Hmông – Miến (Hmông – Dao).

## 1. Ngữ hệ Nam Á

Ngữ hệ này phân bố t- ơng đối rộng, từ Ấn Độ đến Việt Nam và từ Nam Trung Quốc tới tận vùng núi Malayxia , trong đó tập trung nhất tại các vùng núi ở Đông D- òng. Ở Đông Nam Á, ngữ hệ này có 3 nhóm ngôn ngữ: Nhóm ngôn ngữ Việt – M- òng; nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me và nhóm ngôn ngữ Xê măng-Xêôi.

**a. Nhóm ngôn ngữ Việt – M- òng:** Phân bố chủ yếu ở Việt Nam, bao gồm ngôn ngữ của ng- òi Việt (Kinh), dân tộc đa số ở Việt Nam và các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam nh- M- òng, Thổ, Chứt (Sách, Mày, Rục, A-rem, Mã Liêng...). Ở Lào, thuộc nhóm ngôn ngữ này có bốn tộc ng- òi: Mon, Tum, Kri, Nguồn và đều c- trú tập trung ở Trung Lào, giáp giới với Việt Nam, đông nhất là ở tỉnh Khăm Muộn.

**b. Nhóm ngôn ngữ Môn- Khơ me:** Trong số các nhóm thuộc ngữ hệ Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ me do ít tiếp xúc với các ngôn ngữ khác loại hình nên còn giữ đ- ợc hình dáng cổ của ngôn ngữ Đông Nam Á (còn tàn d- của ph- ơng pháp phụ tố cổ, đa tiết, ch- a nảy sinh hệ thống thanh điệu...) và đ- ợc coi là ngôn ngữ cổ nhất mang tính bản địa ít lai tạp nhất<sup>4</sup>.

<sup>3</sup> Nguyễn Duy Thiệu (chủ biên). *Các dân tộc...*; sách đã dẫn..., tr.9 – 18.

<sup>4</sup> Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp. *Dân tộc học đại cĐng*. Tủ sách Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995, trang 91.

Ở Đông Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn – Khơ-me gồm ngôn ngữ Môn và ngôn ngữ Khơ-me.

Ngôn ngữ Môn gồm có ngôn ngữ c- dân Môn đồng bằng nh- ngôn ngữ của ng- ời Môn ở Đông Nam Myanmar; ở Tây Nam, vùng trung tâm Thái Lan và ngôn ngữ c- dân Môn miền núi nh- ng- ời Va (Ka-va), ng- ời Pa-la-un ở Myanmar, Nam Trung Quốc; ng- ời La-va (Lụa) ở Bắc Thái Lan; ng- ời Khơ-mú ở Bắc Lào, Tây Bắc Việt Nam; ng- ời La-mét, ng- ời Zum-bri ở biên giới Lào – Bắc Thái Lan; ng- ời Xinh-mun, ng- ời Mảng, ng- ời Kháng ở Tây Bắc Việt Nam...

Ngôn ngữ Khơ-me cũng gồm có ngôn ngữ c- dân Khơ-me đồng bằng nh- ngôn ngữ của ng- ời Khơ-me ở đồng bằng sông Cửu Long (Việt Nam), ở vùng biên giới Thái Lan – Campuchia thuộc các tỉnh Trát, Buriram, Xurin, Xinakết... (Thái Lan), ở Campuchia; và ngôn ngữ của c- dân Khơ-me miền núi nh- ngôn ngữ ng- ời Kui, Sẹc, Sộ, Katin... ở các tỉnh phía Bắc và Đông Bắc (Thái Lan); ng- ời Xăm-tao, Phoọng ở các tỉnh phía Bắc, ngôn ngữ ng- ời Măng-coong, Tri, Ka-tang, Tà-ôi, Xuôi, Cơ-tu ở các tỉnh miền Trung; ngôn ngữ ng- ời Alắc, Ta-liêng, La-ven ở các tỉnh phía Nam Lào; ngôn ngữ ng- ời Bru – Vân Kiều, Tà-ôi, Cơ-tu, Ba-na, Xơ-dăng, Mạ... ở khu vực Tr- ờng Sơn – Tây Nguyên của Việt Nam.

### **c. Nhóm ngôn ngữ Xê măng – Xê noi:**

ở Đông Nam Á ngoại trừ một bộ phận nhỏ, chỉ vài ba trăm ng- ời sống lang thang trong rừng, biệt lập với các tộc ng- ời khác thuộc phạm vi các tỉnh Nan, Pri, Chiêng Rai, Tây cao nguyên Cò Rạt (Thái Lan), còn phần lớn c- dân thuộc nhóm ngôn ngữ Xê măng – Xê noi tập trung ở miền Bắc và miền Trung bán đảo Ma-lác-ca (Malayxia). Những tộc ng- ời thuộc nhóm này là ng- ời Nêgrito (hay còn gọi là Xê-măng và Pan-gan) và ng- ời Xa-kai (hay còn gọi là Xê-noi).

## **2. Ngữ hệ Thái - Ka đai**

Ngữ hệ này mới đ- ọc xác định trong những năm gần đây và ngày càng đ- ọc nhiều ng- ời thừa nhận, gồm hai nhóm ngôn ngữ là nhóm ngôn ngữ Thái và nhóm ngôn ngữ Ka đai.

**a. Nhóm ngôn ngữ Thái:** Thời tiền sử, nhóm ngôn ngữ Thái phân bố ở vùng cực Bắc Đông Nam Á, tức là phía Nam sông Tr- ờng Giang kéo dài sang phía Tây và vắt ngang tới bờ biển phía Đông. Nh- ng từ cuối thiên niên kỷ thứ I tr- ớc Công nguyên, do sự thôn tính của các lãnh chúa phong kiến ng- ời Hán nên nhóm c- dân này đã có những cuộc di c- sang phía Đông và phía Nam tới vùng Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc), Bắc Bộ (Việt Nam) và dọc theo các thung lũng và triền sông xuống các n- ớc Thái Lan, Lào, Myanmar. Hiện nay, nhìn một cách đại thể, bức tranh phân bố

các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Thái ở đây như sau: ở Nam Trung Quốc có người Choang, Thái, Nùng, Dìoi, Pou Yi, Lự...; ở Myanmar, phía Bắc có người Ahom, Khăm-ti, người Khửn và phía Đông có người Shan với 3 nhóm: Mo Shan (người Shan chính gốc), Shan Tayoc (người Shan có gốc Hán hay người Hán bị Shan hoá) và người Shan Bama (người Shan có gốc Myanmar). Ở Thái Lan, trong số các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Thái, ngoài người Thái (Xiêm) là dân chiếm đa số cư trú tập trung ở vùng trung tâm, tức vùng đồng bằng châu thổ các sông lớn như Mê Nam, Mê Ping... và miền Bắc bán đảo Malacca, còn có người Lào (Thay/Tay) sống chủ yếu ở các tỉnh Đông Bắc trên cao nguyên Kò-rạt; người Shan (Thay Ay – Thái Lớn) – ở vùng biên giới Tây Bắc (Thái Lan – Myanmar); người Lự – ở phía Tây; người Phu Thay – ở vùng Đông Bắc thuộc các tỉnh U Đon, U Bon, Calaxin... Tại Lào, thuộc nhóm ngôn ngữ này có 6 tộc người chính là Lào – tộc người đa số, Phu Thay, Lự, Nhuôn, Dắng và Sek, trong đó trừ người Lào và người Phu Thay có mặt hầu khắp cả nước, còn lại các tộc người khác tập trung ở một số tỉnh vùng Tây Bắc, như dù ở đâu, các tộc người này cũng chỉ cư trú tập trung ở vùng thấp có ruộng nước.

Ở Việt Nam, thuộc nhóm ngôn ngữ Thái có 8 dân tộc: Tày, Thái, Nùng, Sán Chay (Cao Lan – Sán Chỉ), Giáy, Lào, Lự và Bố Y.

Địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc này là vùng núi phía Bắc và hoạt động sản xuất chính là canh tác lúa nước trong các thung lũng, lòng chảo, trên các triền ruộng ven các sông, suối. Những năm gần đây, do nhiều nguyên nhân, một số dân tộc thuộc nhóm này như Tày, Nùng, Thái... đã có mặt ở các tỉnh vùng Trường Sơn – Tây Nguyên và Đông Nam Bộ và ở một số vùng, kinh tế nông nghiệp đã chiếm một tỷ trọng đáng kể.

**b. Nhóm ngôn ngữ Ka đai:** Nhóm ngôn ngữ này hay còn gọi là nhóm ngôn ngữ Nam Á khác là cầu nối giữa các ngôn ngữ Thái và các ngôn ngữ Nam Đảo. Nhóm ngôn ngữ Ka Đai gồm ngôn ngữ người Ke-lao, Li, Lajia ở phía Nam Trung Quốc; ngôn ngữ người Lê (Bê) trên đảo Hải Nam (Trung Quốc), người Sek, Cọi ở các tỉnh Khăm Muộn, Bô Li Kham Xay (miền Trung nước Lào); ngôn ngữ người Cơ Lao, La Chí, Pu Péo ở trên biên giới Việt – Trung thuộc địa phận tỉnh Hà Giang (Việt Nam) và ngôn ngữ người La Ha ở các tỉnh Sơn La, Yên Bái (Việt Nam).

### 3. Ngữ hệ Nam Đảo

Mặc dù có một số ý kiến khác, nhưng đa số các nhà khoa học đều cho rằng, khu vực hình thành đầu tiên của ngôn ngữ Nam Đảo là miền Đông Nam Trung Quốc và từ đó, một bộ phận nhỏ di cư lên phía Bắc qua đảo Kui Xui đến Nhật Bản, một bộ phận lớn đi xuống phía Nam mà con đường chính là từ Đài Loan qua Philippine tới Ấn Độ.

tới châu Đại Dương, một số vào lục địa Malacca và một bộ phận nhỏ đến ven biển Trung Bộ (Việt Nam)<sup>5</sup>. Hiện nay ở Đông Nam Á thuộc ngữ hệ này có hai nhóm ngôn ngữ là nhóm ngôn ngữ Mã Lai và nhóm ngôn ngữ Mê-la-nê-diên và nhìn một cách khái quát, thành phần tộc ngữ-ời và bức tranh phân bố như sau:

**a. Nhóm ngôn ngữ Mã Lai:** Hầu hết phần không gian hải đảo ở Đông Nam Á, một phía chạy từ Đài Loan đến Madagascar; một phía khác đến đảo Pâques là nơi cư trú của nhóm ngôn ngữ Mã Lai – thế giới Mã Lai, bao gồm ngôn ngữ ngữ-ời Gia-va, Xun-đ-, Ma-đu-ra, Ba-li, Mi-năng-ka-bau, Batac, At-gie, Đai-ác... Ở Indônêxia; ngữ-ời Kadadan, I-ban, Bê-day-u, Mê-la-han, Ba-jan, Mu-rut... (hay còn gọi là các dân tộc bản địa ở Xa-ba và Xa-ra-oắc) trên đảo Boóc-nê-ô ở Malayxia; phần lớn các tộc ngữ-ời ở Philippin như ngữ-ời Vi-xai, Ta-gal, I-lo-ki, Pan-ga-xi-nan, Pam-pan-gan, Xam-bal, Man-ghi-a-n-, Can-ca-nai, I-phu-gao, Xu-ba-nô-n-....

Ngoài ra, ở Đông Nam Á lục địa cũng có một bộ phận cư dân thuộc nhóm ngôn ngữ Mã Lai. Đó là ngữ-ời Mã Lai, ngữ-ời Gia-cun... trên bán đảo Ma-lắc-ca ở Malayxia; ngữ-ời Mã Lai, Mo-ken... cư trú tại các tỉnh phía Nam (Xông Kla, Ta La, Pat Ta Ni, Sa Tun...) và dọc bờ biển phía Tây ở Thái Lan;

ngữ-ời Mo-ken hay ngữ-ời Sê-lung phân bố ở vùng bờ biển phía Nam Myanmar; ngữ-ời Chăm, Gia-rai, Ê-đê, Chu-ru, Ra-glai ở các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên (Việt Nam) và ở các tỉnh phía Đông Bắc Campuchia.

**b. Nhóm ngôn ngữ Mê-la-nê-diên:** Thuộc nhóm ngôn ngữ này, đó là các ngôn ngữ Tô-ba-ti, Bông-gô, Xô-bây, In – am – na... Ở Đông Nam Á, địa vực cư trú của nhóm ngôn ngữ Mê-la-nê-diên chủ yếu ở miền tây I-ri-ăng thuộc Indônêxia.

#### 4. Ngữ hệ Hán – Tạng

Về mặt số lượng, ngữ hệ này rất quan trọng, họ chiếm toàn bộ phía Bắc Đông Nam Á lục địa và có mặt ở nhiều nơi khác trong khu vực. Hiện nay, ở Đông Nam Á thuộc ngữ hệ Hán – Tạng có 2 nhóm ngôn ngữ sau:

**a. Nhóm ngôn ngữ Hán:** Thuộc nhóm ngôn ngữ này có ngữ-ời Hoa (Hán), Sán Diêu, Ngái, Hò, Pan Thay..., trong đó ngữ-ời Hoa có dân số rất đông, tới hàng trăm triệu ngữ-ời phân bố trên nhiều vùng, cả vùng thấp, cả vùng rừng núi ở Nam Trung Quốc. Ở các nước Đông Nam Á đều có ngữ-ời Hoa và họ tập trung chủ yếu ở đồng bằng, ven biển và trong phần lớn các thành phố.

**b. Nhóm ngôn ngữ Tạng – Miến:** Đây là một tập hợp cực kỳ đa dạng và phức tạp. Thuộc nhóm ngôn ngữ này có ngữ-ời Miến (dân tộc đa số ở Myanmar), Ka Sin, Sin, Na

<sup>5</sup> Ngô Văn Lệ, Nguyễn Văn Tiệp. *Dân tộc học đại cương*, sách đã dẫn..., tr 93.

Ga, Ka Ren, La Hủ, A-ra-kan... ở Myanmar; ng- ời Ka Ren, La Hủ, Li Su, A Kha... ở Thái Lan; ng- ời Kọ, Phu Nọi, La Hủ, Li Su, A Kha... ở Thái Lan; ng- ời Kọ, Phu Nọi, La Hủ, Si La, Lô Lô, Hà Nhì ở Lào; ng- ời Di, Li Xu, U Kia, Ka Sin... ở Nam Trung Quốc và ng- ời Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La ở Việt Nam. Ở Đông Nam Á, trong số các tộc ng- ời nói ngôn ngữ Tạng – Miến, chỉ có ng- ời Miến, In Ta ở Myanmar là c- trú ở đồng bằng, sống chủ yếu bằng nghề canh tác lúa n- óc và đánh cá trên các sông, hồ; còn các dân tộc khác, phân bố ở vùng núi, lấy canh tác n- ơng rẫy, săn bắn làm nguồn sống chính.

### 5. Ngữ hệ Hmông - Miên (Hmông - Dao)

Tr- ớc đây, theo nhiều nhà nghiên cứu, ng- ời Hmông và Dao có cùng nguồn gốc tổ tiên đ- ợc gọi chung là Tam Miêu hay Miêu Dân và nơi tụ c- chính là Nam Trung Quốc. Sau này, do nhiều nguyên nhân nên có một bộ phận di c- vào các vùng núi Thái Lan, Lào, Myanmar và Việt Nam, làm cho khối Hmông - Dao tách thành những cộng đồng riêng biệt. Hiện nay, họ có 3 tộc ng- ời chính là Hmông, Dao và Pà Thẻn, c- trú chủ yếu vẫn ở Nam Trung Quốc; còn ở các n- óc Đông Nam Á, nhóm ngôn ngữ Hmông – Dao sống xen kẽ với nhiều tộc ng- ời tại các tỉnh miền núi Bắc và Đông Bắc Thái Lan; vùng Đông Bắc và Tây Bắc thuộc địa phận các tỉnh Phong Xa Lỳ, Luông Nậm

Thà, Bo Kẹo, U Đom Xay, Luông Pha Bang, Xay Nha Bu Ly... n- óc Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam (Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Lai Châu, Sơn La...).

Ở Đông Nam Á, ngoài năm ngữ hệ chính trên đây, còn có ngôn ngữ ng- ời Pa Pua – c- dân bản địa, hiện tập trung chủ yếu ở Tây Iriăng (Indônêxia) với dân số chiếm gần một nửa dân số của toàn vùng.

Ngoài nội dung trên, bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Đông Nam Á còn thể hiện một số yếu tố địa lý cơ bản nh- đ- ờng ranh giới quốc gia, các sông ngòi chính, tên thủ đô và các thành phố chính, một số đỉnh núi, đồng bằng quan trọng... Những thông tin này sẽ giúp ích cho độc giả định vị đ- ợc một cách t- ơng đối sự phân bố của các ngữ hệ và các nhóm ngôn ngữ cũng nh- mối quan hệ của nó trong mỗi quốc gia và trong toàn khu vực.

### IV. NGUỒN T LIỆU VÀ PH ỜNG PHÁP THỂ HIỆN

- Để xây dựng bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Đông Nam Á, chúng tôi sử dụng các nguồn t- liệu chính sau:

+ Đối với khu vực Đông Nam Á lục địa là *Bản đồ nhóm ngôn ngữ các dân tộc ở Nam Á* (Ethnolinguistic groups of Southeast Asia). Hart Press, 1964.

+ Đối với khu vực Đông Nam Á hải đảo, Đông Nam Trung Quốc, Bắc Myanmar là *Atlas các ngôn ngữ thế giới* (Atlas of the world's languages) (Christopher Moseley và R.E Asher chủ biên, New York, 1994).

+ Đối với lãnh thổ Việt Nam là *Bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Việt Nam*, tỷ lệ 1/1.000.000 (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 1997).

Ngoài ra, để phân loại và xác định chính xác hơn sự phân bố các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á, chúng tôi còn sử dụng *Bản đồ các dân tộc Indônêxia*, tỷ lệ 1/5.000.000 của M.Ia Berdina (1956); *Bản đồ các dân tộc Đông Dông*, tỷ lệ 1/5.000.000 của S.I Bruc (1959); *Atlas các dân tộc thế giới* của S.I Bruc (1964); *Bản đồ phân bố các nhóm ngôn ngữ tộc ng-ời ở Lào*, tỷ lệ 1/5.000.000 của Nguyễn Duy Thiệu (1997).

- Việc xây dựng các bản đồ nói chung, bản đồ dân tộc học nói riêng, ng-ời ta thường sử dụng nhiều ph-ơng pháp. Trên thực tế, việc lựa chọn các ph-ơng pháp thể hiện phụ thuộc vào nhiều yếu tố nh- nguồn t- liệu, tỷ lệ, mục đích của bản đồ...

Tất cả các nguồn t- liệu (bản đồ, Atlas) sử dụng của các tác giả đều dùng ph-ơng pháp lãnh thổ tộc ng-ời để thể hiện, hơn

nữa mục đích chủ yếu của bản đồ phân bố các dân tộc theo ngôn ngữ ở Đông Nam Á là xác định sự phân bố của các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ của c- dân ở đây, nên khi xây dựng bản đồ này, chúng tôi chủ yếu sử dụng ph-ơng pháp lãnh thổ ngôn ngữ - tộc ng-ời.

Mỗi một ngữ hệ đ-ợc thể hiện bằng một gam màu riêng; còn đối với các nhóm ngôn ngữ trong cùng một ngữ hệ thì cùng chung một gam màu của ngữ hệ nh- ng với mức độ đậm nhạt khác nhau. Ở các vùng c- trú xen kẽ đ-ợc bố trí bằng các vạch màu t- ơng ứng song song với nhau. Tất nhiên, ở đây khi chỉ rõ sự phân bố xen kẽ mà số l-ợng giữa các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ có sự chênh lệch nhau nhiều thì đã có sự kết hợp giữa ph-ơng pháp lãnh thổ ngôn ngữ - tộc ng-ời và ph-ơng pháp điểm. Riêng việc đ- a vào bản đồ một số yếu tố địa lý thì sử dụng ph-ơng pháp dùng các - ớc hiệu và dùng chữ.

Với tám bản đồ này, bức tranh phân bố các ngữ hệ, các nhóm ngôn ngữ của các dân tộc Đông Nam Á đ-ợc thể hiện khá rõ nét. Qua đó có thể thấy rõ mối liên hệ về nhiều mặt nói chung, ngôn ngữ nói riêng của các dân tộc trong khu vực lịch sử- văn hoá này.